

**NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC  
TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*Báo cáo tài chính*

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011  
đã được kiểm toán*



**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 – 03
Báo cáo kiểm toán	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 – 30
Bảng cân đối kế toán	05 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 30

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô B1 DN 14/3 Nguyễn Khánh Toàn- Cầu Giấy- Hà Nội.

### **BAN GIÁM ĐỐC**

**Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Nguyễn Minh Khang	Chủ tịch
Ông Cán Hữu Hải	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên	Ủy viên
Ông Hà Sỹ Tuyển	Ủy viên
Ông Bùi Vũ Hùng	Ủy viên

**Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Cán Hữu Hải	Giám đốc	
Ông Bùi Vũ Hùng	Phó Giám đốc	
Ông Phạm Quỳnh	Phó Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2011
Ông Hà Sỹ Tuyển	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12/05/2011

**Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:**

Ông Lê Xuân Thành	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Văn Tùng	Ủy viên	
Bà Trần Thị Uyên	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 06/04/2011

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### **Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT- BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

---

**Cần Hữu Hải**  
Giám đốc

*Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2012*

Số: /2012/BCKT.TC-AASC.KT5

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011  
của Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội*

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội được lập ngày 07 tháng 02 năm 2012, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán**

---

**Nguyễn Thanh Tùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

---

**Hoàng Thúy Nga**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số: 0762/KTV

*Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2012*

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A . TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>146.722.871.082</b>	<b>151.870.536.613</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>71.549.722.915</b>	<b>97.601.616.643</b>
111	1. Tiền		1.459.722.915	1.891.616.643
112	2. Các khoản tương đương tiền		70.090.000.000	95.710.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>11.942.654.521</b>	-
121	1. Đầu tư ngắn hạn		11.942.654.521	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>37.430.107.075</b>	<b>26.782.744.456</b>
131	1. Phải thu khách hàng		33.414.572.467	24.145.203.015
132	2. Trả trước cho người bán		350.341.702	546.066.892
135	3. Các khoản phải thu khác	5	5.291.864.085	3.642.933.922
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.626.671.179)	(1.551.459.373)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>6</b>	<b>24.032.300.861</b>	<b>26.784.787.449</b>
141	1. Hàng tồn kho		25.447.862.618	27.756.283.885
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.415.561.757)	(971.496.436)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>1.768.085.710</b>	<b>701.388.065</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	591.476.934	503.575.245
154	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	8	126.209.633	-
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	9	1.050.399.143	197.812.820

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011  
 (tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>24.086.510.322</b>	<b>24.732.381.405</b>
<b>220</b>	<b>II . Tài sản cố định</b>		<b>13.288.493.556</b>	<b>13.861.384.795</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	13.235.741.889	13.815.673.132
222	- Nguyên giá		16.514.311.439	16.523.992.905
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.278.569.550)	(2.708.319.773)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	52.751.667	45.711.663
228	- Nguyên giá		121.800.000	97.800.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(69.048.333)	(52.088.337)
<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>3.830.000.000</b>	<b>3.030.000.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		3.080.000.000	2.280.000.000
258	2. Đầu tư dài hạn khác		750.000.000	750.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>6.968.016.766</b>	<b>7.840.996.610</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	6.883.016.766	7.835.996.610
268	2. Tài sản dài hạn khác		85.000.000	5.000.000
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>170.809.381.404</b>	<b>176.602.918.018</b>



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011  
 (tiếp theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A . NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>61.146.484.389</b>	<b>62.748.145.026</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>60.972.973.015</b>	<b>62.007.901.622</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	30.000.000.000
312	2. Phải trả người bán		25.805.143.536	28.217.127.325
313	3. Người mua trả tiền trước		45.753.587	240.197.178
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.768.634.177	1.162.498.297
315	5. Phải trả người lao động		2.605.207.117	784.099.270
316	6. Chi phí phải trả	15	812.317.219	817.080.392
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	16	29.305.352.650	240.750.044
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		630.564.729	546.149.116
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>173.511.374</b>	<b>740.243.404</b>
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	586.382.545
333	2. Phải trả dài hạn khác		46.000.000	46.000.000
336	3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		127.511.374	107.860.859
<b>400</b>	<b>B . VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>109.662.897.015</b>	<b>113.854.772.992</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17</b>	<b>109.662.897.015</b>	<b>113.854.772.992</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		102.194.840.000	102.194.840.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(765.000.000)	(765.000.000)
414	3. Cổ phiếu quỹ		(6.550.527.860)	(33.600.000)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		2.778.425.126	2.778.425.126
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		1.423.463.735	1.302.568.687
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		10.581.696.014	8.377.539.179
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>170.809.381.404</b>	<b>176.602.918.018</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011*

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
4. Nợ khó đòi đã xử lý		280.549.366	-

---

**Vũ Thị Minh Nguyệt**  
Phụ trách kế toán

---

**Cán Hữu Hải**  
Giám đốc  
*Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2012*

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	96.018.638.315	96.709.920.093
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	278.050.405	1.118.755.682
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp	20	95.740.587.910	95.591.164.411
11	4. Giá vốn hàng bán	21	75.759.171.221	75.483.710.154
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp		19.981.416.689	20.107.454.257
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	15.252.685.732	9.002.259.028
22	7. Chi phí tài chính	23	1.412.012.284	970.471.616
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.352.272.728	888.420.468
24	8. Chi phí bán hàng		12.414.983.583	8.811.957.281
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		5.705.098.729	5.607.980.942
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh		15.702.007.825	13.719.303.446
31	11. Thu nhập khác		257.881.224	392.924.264
32	12. Chi phí khác		14.461.174	28.831.754
40	13. Lợi nhuận khác		243.420.050	364.092.510
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		15.945.427.875	14.083.395.956
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	3.855.923.072	3.564.672.623
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh		12.089.504.803	10.518.723.333
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	1.216	1.099

Vũ Thị Minh Nguyệt  
Phụ trách kế toán

Cần Hữu Hải  
Giám đốc  
Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2012

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
 Năm 2011

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		89.299.201.888	93.745.777.880
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(79.117.996.526)	(76.703.299.246)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(8.657.375.172)	(5.846.920.418)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(1.352.272.728)	(888.420.468)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(3.882.991.574)	(4.114.119.046)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		658.976.734	3.440.342.055
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.455.668.711)	(5.167.817.855)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(9.508.126.089)</b>	<b>4.465.542.902</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(100.336.568)	(58.520.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		26.450.000.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(11.942.654.521)	(77.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	77.500.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.136.621.900)	(59.395.500.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		336.621.900	67.260.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		14.317.178.510	9.002.259.028
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>27.924.187.421</b>	<b>16.808.239.028</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	51.097.420.000
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(6.516.927.860)	(33.600.000)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		-	46.765.654.133
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(30.000.000.000)	(20.083.654.133)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.951.027.200)	(6.131.690.400)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(44.467.955.060)</b>	<b>71.614.129.600</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
**Năm 2011**  
*(tiếp theo)*

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(26.051.893.728)	92.887.911.530
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		97.601.616.643	4.713.705.113
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>71.549.722.915</u>	<u>97.601.616.643</u>

\_\_\_\_\_  
**Vũ Thị Minh Nguyệt**  
Phụ trách kế toán

\_\_\_\_\_  
**Cần Hữu Hải**  
Giám đốc  
*Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2012*

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2011

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 1575/QĐ-BGD&ĐT- TCCB ngày 29 tháng 03 năm 2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô B1 DN 14/3 Nguyễn Khánh Toàn- Cầu Giấy- Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 102.194.840.000 đồng (Một trăm linh hai tỷ một trăm chín mươi bốn triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng). Tương đương 10.210.484 cổ phần.

#### Các công ty con :

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Cao Bằng	95 Phố Xuân Trường, Phường Hợp Giang, thị xã Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ giáo dục	Căn hộ P.302, mảnh 2, Khu nhà ở bán cho Cán bộ chiến sỹ Báo An Ninh Thủ đô, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Tp. Hà Nội

Thông tin về các công ty con: xem chi tiết tại Thuyết minh số 12.

#### Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101493714 ngày 24 tháng 05 năm 2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 02 tháng 04 năm 2010, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Mua bán đồ dùng cá nhân và gia đình;
- Mua bán máy móc thiết bị và phụ tùng thay thế;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- Xây dựng nhà, văn phòng (chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Hoạt động kinh doanh bất động sản: Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục và đào tạo: Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép), dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Hoạt động chuyên môn khoa học và công nghệ: tư vấn công nghệ, tư vấn môi trường (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).

## **2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

### **2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và đã được sửa đổi bổ sung theo quy định tại thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư sửa đổi, bổ sung hướng dẫn kèm theo và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ trên phần mềm máy tính.

### **2.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **2.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### **2.5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, riêng hàng gửi bán được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

## **2.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 05 năm
- Phần mềm quản lý	10 năm

## **2.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó :

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “trương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

## **2.8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

## **2.9. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước



được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

## 2.11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

## 2.12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **2.13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **2.14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản thuế**

#### *Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	124.505.604	175.965.658
Tiền gửi ngân hàng	1.335.217.311	1.715.650.985
Các khoản tương đương tiền	70.090.000.000	95.710.000.000
	<b>71.549.722.915</b>	<b>97.601.616.643</b>

**Chi tiết các khoản tương đương tiền tại 31/12/2011 bao gồm:**

	31/12/2011
	VND
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	68.090.000.000
- <i>Tại Ngân hàng TMCP Quân đội- Chi nhánh Trần Duy Hưng</i>	35.090.000.000
- <i>Tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á -Chi nhánh Hà Đông</i>	30.000.000.000
- <i>Tại Ngân hàng Nông nghiệp &amp; PTNT - Chi nhánh Đống Đa</i>	3.000.000.000
Hợp đồng vay vốn dưới 3 tháng	2.000.000.000
- <i>Cho công ty Cổ phần Sách Dân tộc vay<sup>[1]</sup></i>	2.000.000.000
	<b>70.090.000.000</b>

<sup>[1]</sup>Cho Công ty Cổ phần Sách Dân tộc vay theo hợp đồng vay vốn số 03/2011/SGDHN ngày 13/11/2011 để phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất cho vay là 17%/năm.

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác <sup>[1]</sup>	11.942.654.521	-
	<b>11.942.654.521</b>	<b>-</b>

<sup>[1]</sup> **Đầu tư ngắn hạn khác tại 31/12/2011 bao gồm các khoản đầu tư sau:**

- Cho Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam vay theo hợp đồng vay vốn số 01 – 2009/NXBGDVN – TH ngày 26/02/2010 với lãi suất cho vay là 13%/năm. Số dư của hợp đồng này tại thời điểm 31/12/2011 là 7.132.654.521 VND.
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Trần Duy Hưng theo hợp đồng tiền gửi số 383.007.350409.TG ngày 28/12/2011 với lãi suất cho vay là 14%/năm, kỳ hạn 12 tháng với số tiền là 310.000.000 VND.
- Cho Công ty Cổ phần In Khoa học Công nghệ Hà Nội vay theo hợp đồng vay vốn số 02 – 2011/SGDHN ngày 21/07/2011 với hạn mức cho vay là 5.000.000.000 VND để mua máy in và một số máy phụ trong dây chuyền in, lãi suất cho vay tối đa không cao hơn lãi suất ngân hàng thương mại cổ phần cho vay tại từng thời điểm (lãi suất đã bao gồm cả thuế GTGT). Tại thời điểm 31/12/2011, công ty đã giải ngân cho Công ty Cổ phần In Khoa học Công nghệ Hà Nội vay tổng số tiền là 4.500.000.000 VND theo 3 Phụ lục vay vốn với thời hạn cho vay tối đa 1 năm, lãi suất 18,5%/năm.

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Dự thu lãi cho vay, các khoản đầu tư	935.507.222	
Phải thu khác	4.356.356.863	3.642.933.922
	<b>5.291.864.085</b>	<b>3.642.933.922</b>

*Chi tiết các khoản phải thu khác*

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Phải thu về tiền góp vốn xin cấp đất làm nhà kho tại xã Tiên Dương - Đông Anh - Hà Nội <sup>[1]</sup>	1.915.500.000	1.915.500.000
- Phải thu về tiền góp vốn Dự án Trung tâm xuất bản - Phát hành SGK <sup>[2]</sup>	200.000.000	200.000.000
- Phải thu Viện Công nghệ Giáo dục <sup>[3]</sup>	1.400.000.000	1.400.000.000
- Phải thu Ông Trần Đức Quỳnh theo hợp đồng môi giới nhà đất	100.000.000	-
- Phải thu về tiền thuế TNDN tạm nộp 2% của hoạt động chuyển nhượng bất động sản	579.000.000	-
- Phải thu các đối tượng khác	161.856.863	127.433.922
	<b>4.356.356.863</b>	<b>3.642.933.922</b>

<sup>[1]</sup> Theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 theo hình thức tài sản đồng kiểm soát giữa Công ty Cổ phần in Sách giáo khoa tại TP Hà Nội và các bên là: Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP Hà Nội đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất. Theo đó, Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án.

- Địa điểm thực hiện tại: Xã Tiên Dương – huyện Đông Anh – thành phố Hà Nội. Diện tích khu đất là 7.662m<sup>2</sup>.  
 - Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan.  
 - Tổng vốn góp dự kiến: 7.662.000.000 đồng, trong đó: Phần góp vốn của Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội là 25% tương đương: 1.915.500.000 đồng.

<sup>[2]</sup> Đây là khoản tiền góp vốn của Công ty để cùng thực hiện dự án: “Xây dựng Trung tâm xuất bản – Phát hành Sách giáo khoa” theo Hợp đồng góp vốn số 1E/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

<sup>[3]</sup> Đây là khoản tiền góp vốn để triển khai hoạt động Viện Công nghệ Giáo dục theo tiến độ góp vốn đợt 1 và đợt 2 căn cứ theo Nghị quyết cuộc họp Hội đồng Viện ngày 23/01/2010.

**6. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.444.397.885	1.140.299.706
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.984.849.411	2.325.210.347
Thành phẩm	15.159.370.848	15.882.682.577
Hàng hoá	5.099.771.754	7.501.982.323
Hàng gửi đi bán	759.472.720	906.108.932
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.415.561.757)	(971.496.436)
	<b>24.032.300.861</b>	<b>26.784.787.449</b>

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế GTGT không được khấu trừ chờ kết chuyển	591.476.934	503.575.245
	<b>591.476.934</b>	<b>503.575.245</b>

**8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	126.209.633	-
	<b>126.209.633</b>	<b>-</b>

**9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	568.702.300	165.812.820
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	481.696.843	32.000.000
	<b>1.050.399.143</b>	<b>197.812.820</b>

**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<i>Nguyên giá</i>					
Số dư đầu năm	13.482.599.728	37.142.856	2.468.394.872	535.855.449	16.523.992.905
Số tăng trong kỳ	-	-	-	76.336.568	76.336.568
- Mua trong kỳ	-	-	-	76.336.568	76.336.568
Số giảm trong kỳ	-	-	-	(86.018.034)	(86.018.034)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(86.018.034)	(86.018.034)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>13.482.599.728</b>	<b>37.142.856</b>	<b>2.468.394.872</b>	<b>526.173.983</b>	<b>16.514.311.439</b>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>					
Số dư đầu năm	802.096.549	25.760.366	1.422.118.694	458.344.164	2.708.319.773
Số tăng trong kỳ	269.651.997	5.306.121	338.971.643	42.338.050	656.267.811
- Khấu hao trong kỳ	269.651.997	5.306.121	338.971.643	42.338.050	656.267.811
Số giảm trong kỳ	-	-	-	(86.018.034)	(86.018.034)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(86.018.034)	(86.018.034)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.071.748.546</b>	<b>31.066.487</b>	<b>1.761.090.337</b>	<b>414.664.180</b>	<b>3.278.569.550</b>
<i>Giá trị còn lại</i>					
Tại ngày đầu năm	12.680.503.179	11.382.490	1.046.276.178	77.511.285	13.815.673.132
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>12.410.851.182</b>	<b>6.076.369</b>	<b>707.304.535</b>	<b>111.509.803</b>	<b>13.235.741.889</b>

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Bản quyền, Bảng sáng chế</b>	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	20.000.000	77.800.000	97.800.000
Số tăng trong năm	-	24.000.000	24.000.000
- <i>Mua trong năm</i>	-	24.000.000	24.000.000
Số giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>20.000.000</b>	<b>101.800.000</b>	<b>121.800.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	11.883.333	40.205.004	52.088.337
Khấu hao trong năm	2.000.000	14.959.996	16.959.996
- <i>Khấu hao trong năm</i>	2.000.000	14.959.996	16.959.996
Số giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>13.883.333</b>	<b>55.165.000</b>	<b>69.048.333</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	8.116.667	37.594.996	45.711.663
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>6.116.667</b>	<b>46.635.000</b>	<b>52.751.667</b>

**12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	3.080.000.000	2.280.000.000
- <i>Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Cao Bằng</i>	1.980.000.000	1.980.000.000
- <i>Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường phổ thông Công nghệ Giáo dục</i>	1.100.000.000	300.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	750.000.000	750.000.000
- <i>Công ty CP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội</i>	750.000.000	750.000.000
	<b>3.830.000.000</b>	<b>3.030.000.000</b>

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Năm 2011	Năm 2010
		VND
Số dư đầu kỳ	7.835.996.610	11.723.799.276
Số tăng trong kỳ	8.585.199.698	5.202.156.384
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	9.538.179.542	9.089.959.050
Số dư cuối kỳ	<u>6.883.016.766</u>	<u>7.835.996.610</u>

**Trong đó, số dư cuối kỳ bao gồm**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí bản thảo	6.883.016.766	7.835.996.610
	<u><b>6.883.016.766</b></u>	<u><b>7.835.996.610</b></u>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	8.426.715
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.653.672.121	1.101.740.623
Thuế thu nhập cá nhân	114.962.056	52.330.959
	<u><b>1.768.634.177</b></u>	<u><b>1.162.498.297</b></u>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí thưởng doanh số và hoa hồng môi giới	697.140.505	470.143.671
Chi phí bản thảo và phí phát hành	115.176.714	346.936.721
	<u><b>812.317.219</b></u>	<u><b>817.080.392</b></u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	154.621.618	76.011.162
Bảo hiểm xã hội	49.688.920	42.613.166
Bảo hiểm thất nghiệp	-	3.216.088
Các khoản phải trả, phải nộp khác	29.101.042.112	118.909.628
	<b>29.305.352.650</b>	<b>240.750.044</b>

**Chi tiết các khoản phải trả phải nộp khác tại 31/12/2011**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
- Phải trả ông Như Văn Quang <sup>[1]</sup>	28.950.000.000	-
- Phải trả các đối tượng khác	151.042.112	118.909.628
	<b>29.101.042.112</b>	<b>118.909.628</b>

<sup>[1]</sup> Ông Như Văn Quang chuyển tiền mua nhà theo hợp đồng mua bán Căn hộ chung cư đã được công chứng xác nhận ngày 04/11/2011, Công ty sẽ chuyển nhượng tòa nhà 5 tầng (Căn hộ 103,203,303, 403, 503 tại Lô B1, DN 14/3 Khu đô thị Nghĩa Đô, Đường Nguyễn Khánh Toàn, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội - Văn phòng cũ của Công ty) cho Ông Như Văn Quang với giá bán là 28.950.000.000 VND. Hoạt động bàn giao nhà đang được 2 bên thực hiện trong năm 2012.

## 17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>51.097.420.000</b>			<b>2.778.425.126</b>	<b>823.252.473</b>	<b>6.085.070.447</b>	<b>60.784.168.046</b>
Tăng vốn trong năm trước	51.097.420.000	(765.000.000)	-	-	-	-	50.332.420.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	10.518.723.333	10.518.723.333
Trả cổ tức năm 2009	-	-	-	-	(46.619.953)	(6.085.070.447)	(6.131.690.400)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	525.936.167	(525.936.167)	-
Tiền thuế TNDN quý 4 năm 2008 được miễn giảm	-	-	-	-	-	32.099.681	32.099.681
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(33.600.000)	-	-	-	(33.600.000)
Trích lập các quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.577.808.501)	(1.577.808.501)
Thuế truy các năm theo biên bản thanh tra	-	-	-	-	-	(69.539.167)	(69.539.167)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>102.194.840.000</b>	<b>(765.000.000)</b>	<b>(33.600.000)</b>	<b>2.778.425.126</b>	<b>1.302.568.687</b>	<b>8.377.539.179</b>	<b>113.854.772.992</b>
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(6.516.927.860)	-	-	-	(6.516.927.860)
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	12.089.504.803	12.089.504.803
Trả cổ tức năm 2010	-	-	-	-	-	(7.951.027.200)	(7.951.027.200)
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	120.895.048	(120.895.048)	-
Trả thù lao của Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	(604.475.240)	(604.475.240)
Trích lập các quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.208.950.480)	(1.208.950.480)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>102.194.840.000</b>	<b>(765.000.000)</b>	<b>(6.550.527.860)</b>	<b>2.778.425.126</b>	<b>1.423.463.735</b>	<b>10.581.696.014</b>	<b>109.662.897.015</b>

Công ty đã thực hiện tạm phân phối các quỹ trên Báo cáo tài chính năm 2011 theo Nghị quyết số 53/SGDHN của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 06/04/2011, cụ thể như sau:

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Số tiền</b>
	(%)	VND
Trả cổ tức	8%/ Cổ phần	7.951.027.200
Quỹ dự phòng tài chính	1,00%	120.895.048
Quỹ phúc lợi	6,00%	725.370.288
Quỹ khen thưởng TGD	1,00%	120.895.048
Quỹ khen thưởng cho CBCNV	3,00%	362.685.144
Quỹ khen thưởng BDH	5,00%	604.475.240
<b>Tổng cộng</b>		<b>9.885.347.968</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2011	Tỷ lệ	01/01/2011	Tỷ lệ
	VND		VND	%
Vốn góp của nhà nước	5.928.000.000	5,80%	5.928.000.000	5,80%
Vốn góp của đối tượng khác	96.266.840.000	94,20%	96.266.840.000	94,20%
<b>Cộng</b>	<b>102.194.840.000</b>	<b>100%</b>	<b>102.194.840.000</b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>102.194.840.000</b>	<b>102.194.840.000</b>
Vốn góp đầu năm	102.194.840.000	51.097.420.000
Vốn góp tăng trong năm	-	51.097.420.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	102.194.840.000	102.194.840.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	7.951.027.200	6.131.690.400
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	7.951.027.200	6.131.690.400
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm nay	-	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	-	-

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.219.484	10.219.484
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.219.484	10.219.484
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.219.484</i>	<i>10.219.484</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	990.400	3.500
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>990.400</i>	<i>3.500</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.229.084	10.215.984
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>9.229.084</i>	<i>10.215.984</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

**18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	95.975.001.951	96.666.283.729
Doanh thu cung cấp dịch vụ	43.636.364	43.636.364
	<b>96.018.638.315</b>	<b>96.709.920.093</b>

**19. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	278.050.405	1.118.755.682
	<b>278.050.405</b>	<b>1.118.755.682</b>

**20. DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	95.696.951.546	95.547.528.047
Doanh thu cung cấp dịch vụ	43.636.364	43.636.364
	<b>95.740.587.910</b>	<b>95.591.164.411</b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	75.759.171.221	75.483.710.154
	<b>75.759.171.221</b>	<b>75.483.710.154</b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.011.114.461	4.812.285.028
Lãi đầu tư cổ phiếu	28.037.319	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	155.500.000	164.774.000
Lãi hoạt động ủy thác đầu tư	7.058.033.952	4.025.200.000
	<b>15.252.685.732</b>	<b>9.002.259.028</b>

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.352.272.728	888.420.468
Chi phí ủy thác đầu tư	59.695.556	67.832.000
Chi phí tài chính khác	44.000	14.219.148
	<b>1.412.012.284</b>	<b>970.471.616</b>

**24. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.945.427.875	14.083.395.956
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	96.774.171	175.294.538
Các khoản điều chỉnh tăng	252.274.171	340.068.538
- <i>Chi phí không hợp lệ</i>	<i>252.274.171</i>	<i>340.068.538</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	(155.500.000)	(164.774.000)
- <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>(155.500.000)</i>	<i>(164.774.000)</i>
Tổng lợi nhuận kế toán tính thuế	16.042.202.046	14.258.690.494
Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.010.550.512	3.564.672.623
Thuế TNDN được giảm	(154.627.440)	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>3.855.923.072</b>	<b>3.564.672.623</b>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	35.189.486
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	1.101.740.623	1.615.997.560
Thuế TNDN đã nộp trong năm	3.882.991.574	4.114.119.046
Thuế TNDN chuyển nhượng BĐS 2% tạm nộp trong năm	579.000.000	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>1.653.672.121</b>	<b>1.101.740.623</b>

**25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.089.504.803	10.518.723.333
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- <i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
- <i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.089.504.803	10.518.723.333
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.944.606	9.570.448
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.216</b>	<b>1.099</b>

## 26. THÔNG TIN KHÁC

Ông Như Văn Quang chuyển tiền mua nhà theo hợp đồng mua bán Căn hộ chung cư đã được công chứng xác nhận ngày 04/11/2011, Công ty sẽ chuyển nhượng tòa nhà 5 tầng (Căn hộ 103,203,303, 403, 503 tại Lô B1, DN 14/3 Khu đô thị Nghĩa Đô, Đường Nguyễn Khánh Toàn, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội - Văn phòng cũ của Công ty) cho Ông Như Văn Quang với giá bán là 28.950.000.000 VND. Hoạt động bàn giao nhà đang được 2 bên thực hiện trong năm 2012.

## 27. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

## 28. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh sách giáo dục và sách khác, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản.

Toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

## 29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2011	Năm 2010
		VND	VND
<b>Góp vốn vào công ty</b>			
- Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Cao Bằng	Công ty Con	-	1.980.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục	Công ty Con	800.000.000	300.000.000
<b>Doanh thu bán hàng</b>			
- Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Cao Bằng	Công ty Con	1.576.075.132	821.148.063
<b>Cổ tức được chia</b>			
- Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Cao Bằng	Công ty Con	88.000.000	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2011	01/01/2011
		VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>			
- Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Cao Bằng	Công ty Con	856.785.241	69.306.058

### **30. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

---

**Vũ Thị Minh Nguyệt**  
Phụ trách kế toán

---

**Cần Hữu Hải**  
Giám đốc  
*Hà Nội, ngày 07 tháng 02 năm 2012*